

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2023/HNGĐ - ST**

Ngày: 04/01/2023

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Đại Dương

Bà Mùa Thị Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Quàng Thị Thu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo, là Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm tranh chấp vụ án thụ lý số: 04/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST- HNGĐ ngày 15/12/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lương Thị L (*Lương Thị L*), sinh năm 1978; Nơi đăng ký HKTT: Thôn H T, xã Đ H, huyện T Y, tỉnh Q(Có đơn xin xét xử vắng mặt);

* Bị đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1976; Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 3, phường N B, thành phố B, tỉnh Đ; Hiện chấp hành án tại: Trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 06/9/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lương Thị L (*Lương Thị L*) trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và anh Trần Văn M có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Hải, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 11/5/2011, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng có hạnh phúc sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, mâu thuẫn càng ngày càng đến đỉnh điểm. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, chị L và anh M không ai quan tâm đến

ai. Hiện nay anh M đang đi chấp hành án tại Trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vì vậy chị Lương Thị L làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn M.

- Về con chung: Chị L và anh M có 01 con chung là cháu Trần Thị Phương Thảo, sinh ngày 05/10/2012. Chị L có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thảo cho đến khi 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

- Về con riêng: Không có

- Về tài sản, về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

2. Tại bản tự khai ngày 25/10/2022 bị đơn anh Trần Văn M trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Trần Văn M và chị Lương Thị L lấy nhau đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Hải, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 11/5/2011 kết hôn hoàn toàn tự nguyện vợ chồng hạnh phúc một thời gian và phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau tôi đã đưa con lên Điện Biên năm 2014 vì tôi vi phạm pháp luật vào ngày 26/2/2020 và đi chấp hành án tại Trại giam Nà Tấu cho tới nay. Đến nay cô L làm đơn xin ly hôn tôi hoàn toàn nhất trí.

- Về con chung: Anh M và chị L có 1 con chung là Trần Thị Phương Thảo, sinh ngày 05/10/2012. Anh M không đồng ý cho chị L nuôi con, vì anh M đang cải tạo trong trại giam Nà Tấu 5N, 6 t.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Hiện anh M đang đi chấp hành án tại: Trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Anh M vắng mặt tại phiên tòa.

3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với Nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các

Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu, chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp là bản photo có canh chứng hoặc bản chính, đảm bảo đúng quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với: Bị đơn Không thực hiện đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81 Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Lương Thị L được ly hôn với anh Trần Văn M.

- Đối với con chung: Giao cháu Trần Thị Phương Thảo, sinh ngày 05/10/2012 cho chị L được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thảo cho đến khi 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 buộc chị Lương Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 30/9/2022 chị Lương Thị L nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với anh Trần Văn M có địa chỉ Tổ dân phố 3, phường N B, thành phố B, tỉnh Đ. Ngày 05/10/2022 chị L đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị L theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị Lương Thị L và anh Trần Văn M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Bị đơn đang đi chấp hành án nên quá trình giải quyết Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã tiến hành hòa giải lần 1 không thành, hòa giải lần 2, chị L từ chối hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của Viện kiểm sát để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Lương Thị L và anh Trần Văn M kết hôn tại UBND xã Đông Hải, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 11/5/2011, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa chị L và anh M đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bản thân anh M đua đòi theo bạn dẫn đến nghiện ma túy, chị L và anh M đã sống ly thân từ năm 2012. Hiện nay anh M đang đi chấp hành án tại Trại giam Nà Tấu không thể quan tâm đến chị L. Nay chị L xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh M. Việc mâu thuẫn và điều kiện của chị L đã được UBND xã Đông Hải, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh xác nhận và Tại đơn xin từ chối hòa giải, đơn xét xử vắng mặt và Đơn xin xác nhận ngày 17/12/2022 chị L vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh M. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị L khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân anh M cũng nhất trí ly hôn. Do vậy cần xử cho chị Lương Thị L được ly hôn với anh Trần Văn M phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Xét về con chung: Quá trình chung sống, giữa chị L và anh M có 01 con chung là cháu Trần Thị Phương Thảo, sinh ngày 05/10/2012. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị L đưa ra căn cứ chị buôn bán có thu nhập từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/1 tháng, có cuộc sống ổn định, khu vực chị ở gần Trường học đảm bảo cho cháu Thảo được đi học, anh Mạnh đang đi chấp hành án không có điều kiện nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Trước đây chị để con cho anh M chăm sóc vì anh M không cho chị nuôi cháu Thảo, đến nay anh M đi chấp hành án thời hạn dài không bảo đảm điều kiện chăm sóc nuôi dạy cho cháu Thảo, bản thân cháu Thảo là con gái cần sự chăm sóc của mẹ. Do vậy chị L có nguyện vọng xin nuôi con chung.

Tại các buổi hòa giải lần 1 ngày 25/10/2022 anh M cũng có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thảo.

Tại bản tự khai ngày 12/10/2022 cháu Trần Thị Phương Thảo trình bày: Cháu là con của bố Trần Văn M và mẹ Lương Thị L, nay mẹ cháu là Lương Thị L có làm

đơn xin ly hôn với bố cháu thì nguyện vọng của cháu được xin ở với mẹ vì cháu là con gái, cháu muốn mẹ cháu chăm sóc thuận tiện hơn.

Bản thân anh M đang đi chấp hành án nên không có khả năng nuôi và cấp dưỡng cho con chung cùng chị L được.

Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho cháu Thảo và theo nguyện vọng của cháu Thảo muốn được ở với mẹ (Thể hiện tại đơn và bản trình bày nguyện vọng ngày 12/10/2022). Tòa án cần giao con chung cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Thảo đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 69 và Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình. Anh M có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ áp dụng các Điều 69 và Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận giao con chung Trần Thị Phương Thảo, sinh ngày 05/10/2012 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

[2.3] Về con riêng: Không có.

[3] Xét về tài sản:

Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lầy về: Không có.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lương Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35;, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 271, 273, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lương Thị L (Lương Thị L) với anh Trần Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Phương Thảo, sinh ngày 05/10/2012 cho chị Lương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người Không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung Không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về con riêng: Không có

4. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về: Không có.

5. Về án phí: Chị Lương Thị L chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST chị L đã nộp theo biên lai thu tiền 0002020 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Lương Thị L và anh Trần Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- UBND xã Đanh Hải, H. Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thương Huyền

